

**PHỤ LỤC SỐ 02: CHI TIẾT GÓI THẦU: MUA SẮM THIẾT BỊ DẠY HỌC
TỐI THIỂU NĂM 2024 CỦA TRƯỜNG THPT NGÔ THÌ NHẠM**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDĐT ngày tháng 10 năm 2024 của Sở GDĐT)

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đvt: đồng)	Thành tiền (đvt: đồng)
I	MÔN NGỮ VĂN				
1	Bộ học liệu điện tử hỗ trợ giáo viên môn Ngữ Văn	Bộ	2	5.500.000	11.000.000
2	Sơ đồ quy trình và cấu trúc một báo cáo nghiên cứu khoa học	Tờ	5	45.000	225.000
3	Sơ đồ quy trình tiến hành sân khấu hoá một tác phẩm văn học	Tờ	5	45.000	225.000
4	Video/clip/ phim tư liệu về tác giả Nguyễn Trãi	Bộ	5	145.000	725.000
5	Video/clip/phim tư liệu về tác phẩm Bình Ngô đại cáo	Bộ	5	145.000	725.000
6	Video/clip/ phim tư liệu về thơ Nôm của Nguyễn Trãi	Bộ	5	145.000	725.000
7	Video/clip/ phim tư liệu về truyện cổ dân gian Việt Nam	Bộ	5	145.000	725.000
8	Video/clip/ phim tư liệu về ca dao con người và xã hội.	Bộ	5	145.000	725.000
9	Video/clip/ phim tư liệu về chèo, tuồng dân gian	Bộ	5	145.000	725.000
II	MÔN NGOẠI NGỮ				
1	Bộ học liệu điện tử môn ngoại ngữ	Bộ	1	8.500.000	8.500.000
III	MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT				
1	Còi	Chiếc	6	22.000	132.000
2	Thước dây	Chiếc	2	143.000	286.000
3	Cờ lệnh thể thao	Chiếc	8	550.000	4.400.000
4	Biển lật số	Bộ	2	1.056.000	2.112.000
5	Nám thể thao	Chiếc	40	54.038	2.161.520
6	Dây nhảy cá nhân	Chiếc	20	30.458	609.160
7	Dây nhảy tập thể	Chiếc	4	66.000	264.000
8	Bóng nhồi	Quả	2	792.000	1.584.000
9	Dây kéo co	Cuộn	2	1.870.000	3.740.000
10	Ván giậm nhảy	Chiếc	1	1.430.000	1.430.000
11	Cột nhảy cao	Bộ	4	3.566.475	14.265.900
12	Xà nhảy cao	Chiếc	4	821.370	3.285.480
13	Đệm nhảy cao	2 tấm/bộ	1	15.400.000	15.400.000

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đvt: đồng)	Thành tiền (đvt: đồng)
14	Quả bóng đá	Quả	75	270.188	20.264.100
15	Quả bóng rổ	Quả	20	270.188	5.403.760
16	Cột, bảng rổ	Bộ	2	14.698.200	29.396.400
17	Quả bóng chuyền	Quả	50	270.188	13.509.400
18	Cột và lưới bóng chuyền	Bộ	2	7.300.000	14.600.000
19	Quả bóng bàn	Quả	30	22.000	660.000
20	Vợt bóng bàn	Chiếc	10	350.000	3.500.000
21	Bàn, lưới bóng bàn	Bộ	1	9.900.000	9.900.000
22	Quả cầu đá	Quả	100	21.000	2.100.000
23	Quả cầu lông	Quả	50	16.000	800.000
24	Vợt cầu lông	Chiếc	20	112.000	2.240.000
IV	MÔN LỊCH SỬ				
1	Phim tài liệu: Một số hiện vật tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng và văn minh Đại Việt	Bộ	3	145.000	435.000
2	Phim tài liệu: Thành tựu tiêu biểu của một số nền văn minh phương Đông	Bộ	3	145.000	435.000
3	Phim tài liệu: Thành tựu tiêu biểu của một số nền văn minh phương Tây	Bộ	3	145.000	435.000
4	Phim tài liệu: Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất	Bộ	3	145.000	435.000
5	Phim tài liệu: Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai	Bộ	3	145.000	435.000
6	Phim tài liệu: Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba	Bộ	3	145.000	435.000
7	Phim tài liệu: Thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư	Bộ	3	145.000	435.000
8	Phim tư liệu: Thành tựu của văn minh Đông Nam Á	Bộ	3	145.000	435.000
9	Phim mô phỏng: Thành tựu của các nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858)	Bộ	3	145.000	435.000
10	Phim tư liệu: Đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Bộ	3	145.000	435.000
11	Video/clip: Di sản văn hóa ở Việt Nam	Bộ	3	145.000	435.000

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đvt: đồng)	Thành tiền (đvt: đồng)
12	Video/clip: Sự ra đời và phát triển của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)	Bộ	3	145.000	435.000
13	Video/clip: Cách mạng tháng Tám 1945	Bộ	3	145.000	435.000
14	Video/clip: Tổng tiến công Xuân 1975	Bộ	3	145.000	435.000
15	Video/clip: Thành tựu tiêu biểu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc thời kì 1954-1973	Bộ	3	145.000	435.000
16	Video/clip: Thành tựu của Việt Nam trong thời kì đổi mới đất nước	Bộ	3	145.000	435.000
17	Phim tư liệu: Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc	Bộ	3	145.000	435.000
18	Phim tư liệu: Dấu ấn Hồ Chí Minh trong lòng nhân dân thế giới và Việt Nam	Bộ	3	145.000	435.000
V	MÔN ĐỊA LÝ				
1	Bản đồ hành chính Việt Nam	Tờ	3	45.000	135.000
2	Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam	Tờ	3	45.000	135.000
3	Bản đồ khí hậu Việt Nam	Tờ	3	45.000	135.000
4	Bản đồ phân bố nông nghiệp Việt Nam	Tờ	3	45.000	135.000
5	Bản đồ phân bố công nghiệp Việt Nam	Tờ	3	45.000	135.000
6	Bản đồ giao thông vận tải và bưu chính viễn thông Việt Nam	Tờ	3	45.000	135.000
7	Bản đồ thương mại và du lịch Việt Nam	Tờ	3	45.000	135.000
8	Bản đồ Trung du và miền núi Bắc bộ	Tờ	3	45.000	135.000
9	Bản đồ Đồng bằng sông Hồng	Tờ	3	45.000	135.000
10	Bản đồ Bắc Trung bộ	Tờ	3	45.000	135.000
11	Bản đồ Duyên hải Nam Trung Bộ	Tờ	3	45.000	135.000
12	Bản đồ Tây Nguyên	Tờ	3	45.000	135.000
13	Bản đồ Đông Nam bộ	Tờ	3	45.000	135.000
14	Bản đồ Đồng bằng sông Cửu Long	Tờ	3	45.000	135.000

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đvt: đồng)	Thành tiền (đvt: đồng)
VI	MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ - PHÁP LUẬT				
1	Tranh thể hiện sơ đồ mô phỏng về các chủ thể tham gia trong nền kinh tế và vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế	Bộ	2	72.500	145.000
2	Tranh thể hiện sơ đồ các loại hình thị trường cơ bản	Tờ	2	45.000	90.000
3	Tranh về hoạt động kí kết hợp tác kinh tế quốc tế giữa Chính phủ Việt Nam với một số tổ chức quốc tế và khu vực	Bộ	2	45.000	90.000
4	Tranh thể hiện sơ đồ mô phỏng một số loại thuế phổ biến	Tờ	2	45.000	90.000
5	Tranh thể hiện một số loại hình bảo hiểm và chính sách an sinh xã hội cơ bản	Bộ	2	45.000	90.000
6	Tranh thể hiện sơ đồ một số dịch vụ tín dụng cơ bản	Tờ	2	45.000	90.000
7	Tranh thể hiện sơ đồ các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	Tờ	2	45.000	90.000
8	Tranh thể hiện sơ đồ các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân	Tờ	2	45.000	90.000
9	- Tranh thể hiện sơ đồ hệ thống chính trị Việt Nam. - Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước ở Việt Nam.	Bộ	2	45.000	90.000
10	Video/clip về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam theo Hiến pháp mới	Bộ	2	145.000	290.000
11	Tranh mô phỏng hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam theo luật mới	Tờ	2	45.000	90.000
VII	MÔN VẬT LÝ				
1	Biến áp nguồn	Cái	3	1.750.000	5.250.000
2	Bộ thu nhận số liệu	Bộ	1	16.300.000	16.300.000
3	Bộ thiết bị đo kĩ thuật số tích hợp	Bộ	3	35.750.000	107.250.000
4	Bộ thiết bị dạy học điện tử, mô phỏng môn Vật lí	Bộ	1	9.900.000	9.900.000
5	Dây nối	Bộ	3	528.000	1.584.000
6	Đồng hồ đo điện đa năng	Cái	4	770.000	3.080.000
7	Giá thí nghiệm	Bộ	3	1.210.000	3.630.000

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đvt: đồng)	Thành tiền (đvt: đồng)
8	Hộp quả treo	Hộp	3	495.000	1.485.000
9	Lò xo	Cái	3	41.265	123.795
10	Máy phát âm tần	Cái	6	1.452.000	8.712.000
11	Thiết bị đo vận tốc và gia tốc của vật rơi tự do	Bộ	5	2.275.000	11.375.000
12	Thiết bị đo gia tốc	Bộ	2	4.300.000	8.600.000
13	Thiết bị tổng hợp hai lực đồng quy và song song	Bộ	3	2.190.975	6.572.925
14	Thiết bị chứng minh Định luật Hooke	Bộ	3	2.786.000	8.358.000
15	Con lắc lò xo, con lắc đơn.	Bộ	2	3.438.750	6.877.500
16	Thiết bị đo tần số sóng âm	Bộ	2	2.850.000	5.700.000
17	Thiết bị giao thoa sóng nước	Bộ	3	2.450.000	7.350.000
18	Thiết bị tạo sóng dừng	Bộ	6	796.000	4.776.000
19	Thiết bị đo tốc độ truyền âm	Bộ	2	7.260.000	14.520.000
20	Thiết bị thí nghiệm điện tích	Bộ	2	2.800.000	5.600.000
21	Thiết bị khảo sát nguồn điện	Bộ	2	840.000	1.680.000
22	Thiết bị khảo sát nội năng	Bộ	3	343.875	1.031.625
23	Thiết bị khảo sát truyền nhiệt lượng	Bộ	3	343.875	1.031.625
24	Thiết bị đo nhiệt dung riêng	Bộ	3	1.446.000	4.338.000
25	Thiết bị chứng minh định luật Boyle	Bộ	1	1.463.000	1.463.000
26	Thiết bị chứng minh định luật Charles	Bộ	4	2.310.000	9.240.000
27	Thiết bị tạo từ phổ	Bộ	3	194.535	583.605
28	Thiết bị xác định hướng của lực từ	Bộ	3	540.375	1.621.125
29	Thiết bị đo cảm ứng từ	Bộ	3	2.870.000	8.610.000
30	Thiết bị cảm ứng điện từ	Bộ	6	486.338	2.918.028
31	Thiết bị khảo sát đoạn mạch điện xoay chiều	Bộ	2	1.120.000	2.240.000
32	Thiết bị khảo sát dòng điện qua diode	Bộ	1	325.000	325.000
33	Thiết bị khảo sát dòng quang điện	Bộ	3	3.250.000	9.750.000
VIII	MÔN HÓA HỌC				
1	Màn hình hiển thị (tivi 65 inch)	Chiếc	1	18.000.000	18.000.000
2	Bình sục khí Drechsel	Cái	4	407.000	1.628.000
3	Bộ thí nghiệm về nguồn điện hóa học	Bộ	4	990.000	3.960.000

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đvt: đồng)	Thành tiền (đvt: đồng)
4	Cân điện tử	cái	1	750.000	750.000
5	Bộ điện phân dung dịch	Bộ	3	1.320.000	3.960.000
6	Cốc đốt	cái	7	99.000	693.000
7	Phiếu chiết hình quả lê	cái	4	376.000	1.504.000
8	Bộ dụng cụ thí nghiệm phân tích thể tích	bộ	5	1.423.000	7.115.000
9	Nút cao su có lỗ các loại	bộ	4	77.000	308.000
10	Bộ giá thí nghiệm	bộ	4	1.210.000	4.840.000
11	Ống nghiệm	Cái	40	9.000	360.000
12	Ống hút nhỏ giọt	cái	5	17.000	85.000
13	Phiếu lọc thủy tinh cường ngắn	Cái	3	53.000	159.000
14	Bát sứ	Cái	4	37.000	148.000
15	Kiềng 3 chân	cái	4	42.000	168.000
16	Lưới tản nhiệt	cái	4	22.000	88.000
17	Chổi rửa ống nghiệm	Cái	7	22.000	154.000
18	Khay đựng dụng cụ, hóa chất	Cái	2	198.000	396.000
19	Găng tay cao su	Hộp	2	264.000	528.000
IX	MÔN SINH HỌC				
1	Cấu tạo của tế bào động vật và tế bào thực vật	Bộ	2	2.395.000	4.790.000
2	Mô hình cấu trúc DNA	Cái	2	497.145	994.290
3	Bộ thí nghiệm xác định thành phần hóa học của tế bào	Bộ	7	64.845	453.915
4	Bộ thí nghiệm làm tiêu bản về quá trình nguyên phân và giảm phân	Bộ	2	3.678.480	7.356.960
5	Bộ thí nghiệm thực hành phương pháp nghiên cứu vi sinh vật và sản phẩm ứng dụng	Bộ	2	14.806.275	29.612.550
6	Bộ thí nghiệm tách chiết DNA	Bộ	7	75.653	529.571
7	Bộ thiết bị thí nghiệm làm tiêu bản quan sát đột biến trên tiêu bản cố định và tạm thời	Bộ	2	3.674.550	7.349.100
8	Bộ thiết bị khảo sát đặc trưng cơ bản của quần thể, quần xã	Bộ	2	920.000	1.840.000
9	Bộ thiết bị đo chỉ tiêu môi trường trong hệ sinh thái	Bộ	1	18.832.000	18.832.000

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đvt: đồng)	Thành tiền (đvt: đồng)
10	Bộ hóa chất xác định thành phần hóa học của tế bào	Bộ	1	501.075	501.075
11	Bộ hóa chất làm tiêu bản, quan sát cấu trúc tế bào	Bộ	1	660.240	660.240
12	Bộ hóa chất xác định ảnh hưởng của các yếu tố đến hoạt tính enzyme	Bộ	1	345.840	345.840
13	Bộ hóa chất làm tiêu bản NST, quan sát nguyên phân, giảm phân	Bộ	1	781.000	781.000
14	Bộ hóa chất thực hành phương pháp nghiên cứu vi sinh vật	Bộ	1	226.958	226.958
15	Ethanol 96%	Lọ	1	35.000	35.000
16	Bộ hóa chất tách chiết DNA	Bộ	1	33.000	33.000
X	MÔN CÔNG NGHỆ				
1	Hình chiếu phối cảnh	Tờ	1	27.300	27.300
2	Bản vẽ chi tiết	Tờ	1	27.300	27.300
3	Bản vẽ lắp	Tờ	1	27.300	27.300
4	Bản vẽ xây dựng	Tờ	1	27.300	27.300
5	Sơ đồ mạch xử lý tín hiệu điện tử tương tự	Tờ	1	19.000	19.000
6	Sơ đồ mạch xử lý tín hiệu điện tử số	Tờ	1	19.000	19.000
7	Bộ thực hành lắp mạch điện gia đình	Bộ	5	660.000	3.300.000
8	Bộ thực hành lắp ráp mạch điện tử	Bộ	3	691.680	2.075.040
9	Bộ dụng cụ ghép cây	Bộ	4	594.413	2.377.652
10	Bộ trồng cây thủy canh tĩnh	Bộ	5	389.080	1.945.400
XI	MÔN TIN HỌC				
1	Màn hình hiển thị (tivi 65 inch)	Chiếc	1	18.000.000	18.000.000
XII	THIẾT BỊ DÙNG CHUNG				
1	Máy ảnh		1	15.000.000	15.000.000
TỔNG					631.215.739
LÀM TRÒN:					631.215.000
<i>Bảng chữ: Sáu trăm ba mươi một triệu, hai trăm mười lăm nghìn đồng.</i>					
<i>Ghi chú: Giá trên là mức giá tối đa, đã bao gồm thuế GTGT và các chi phí khác có liên quan.</i>					